

Bản án số: 124/2024/HS-ST
Ngày: 06-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thế Nam.

2. Ông Nguyễn Thành Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tiến Danh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Báu - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2024, tại điểm cầu Trực tuyến Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất. Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 125/2024/TLST-HS ngày 19-6-2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2024/QĐXXST-HS ngày 25-7-2024 đối với bị cáo:

VŨ TRUNG HIỀN, sinh năm 1982, tại: Nam Định. Nơi thường trú: **Tổ I, ấp C, xã S, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai**; Nơi tạm trú: **Số nhà A, đường N, khu phố D, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai**; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Vũ Viết H**, sinh năm 1959 và bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1960; có vợ là **Nguyễn Thị Hồng V**, sinh năm 1982; có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 26/5/2023 đến nay tại nhà Tạm giữ **Công an thành phố L**, (Có mặt).

- Bị hại:

1. Anh **Đỗ Công T**, sinh năm 1995. Địa chỉ: **Khu phố C, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai**, (Vắng mặt).

2. Anh **Nguyễn Khắc T1**, sinh năm 1988. Địa chỉ: **Ấp B, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai**, (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị **Nguyễn Thị Thúy P**, sinh năm 1978. Địa chỉ: **Số A, đường N, khu phố D, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai**, (Có mặt).

2. Chị **Đinh Thị Đ**, sinh năm 1983. Địa chỉ: **Khu phố B, phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai**, (*Vắng mặt*).

3. **Ngân hàng TMCP V1**.

Địa chỉ: **H L, phường L, quận Đ, Hà Nội** (*Vắng mặt*)

- Người làm chứng:

1. Anh **Đặng Quốc T2**, sinh năm 1991. Địa chỉ: **khu phố C, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai**, (*Vắng mặt*).

2. Anh **Trương Thế B**, sinh năm 1979. Địa chỉ: **Số D, đường N, khu phố A, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai**, (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 05-6-2020, chị **Nguyễn Thị Thúy P**, sinh năm 1978, ngụ tại **A, Nguyễn Thị Minh K, khu phố D, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai** có bán cho chị **Đinh Thị Đ1**, sinh năm 1983, địa chỉ: **Tổ G, KP bảo Vinh B, phường B, thành phố L** 01 xe ô tô màu trắng hiệu CHEVROLET mang biển số 79A-175.10 với giá 400.000.000 đồng.

Do xe đang được thế chấp để vay tiền tại **Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 - Chi nhánh Thành phố H** (viết tắt **V2**) nên hai bên đã thỏa thuận như sau: chị **Đ1** chỉ cần trả trước số tiền 100.000.000 đồng cho chị **P**, số tiền 300.000.000 đồng còn lại sẽ được chị **Đ1** trả góp hàng tháng cho ngân hàng thay chị **P**. Hai bên có ký kết hợp đồng mua bán xe với nhau và không có công chứng, chứng thực theo quy định, có hai người làm chứng là **Vũ Trung H1** và anh **Nguyễn Phúc H2** bạn của **Đ1**. Sau khi thỏa thuận mua bán thì chị **P** giao toàn bộ giấy tờ bản sao cho chị **Đ1** và chị **Đ1** giao cho chị **P** 100.000.000 đồng. Trong thời gian này chị **Đ1** và **Vũ Trung H1** có tình cảm với nhau và cùng làm ăn, chị **Đ1** đóng tiền ngân hàng được khoảng 03 tháng thì **Vũ Trung H1** và chị **Đ1** thỏa thuận giao xe cho **Vũ Trung H1** khai thác sử dụng và đóng tiền ngân hàng vì **H1** làm dịch vụ cho thuê xe du lịch. Do không đóng tiền ngân hàng đúng quy định nên ngân hàng báo cho chị **P**, chị **P** báo cho chị **Đ1** thì chị **Đ1** yêu cầu **H1** đóng tiền lãi cho ngân hàng nhưng **H1** không đóng, chị **Đ1** làm đơn yêu cầu **Công an phường X** giải quyết, khi làm việc thì hai bên hòa giải và chị **Đ1** tiếp tục giao cho **H1** quản lý sử dụng để đóng tiền ngân hàng.

Trong quá trình sử dụng xe ô tô trên, do không thực hiện nghĩa vụ đóng tiền trả góp cho ngân hàng thay chị **P** nên **H1** không được ngân hàng cấp giấy xác nhận đang tạm giữ Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô để có thể điều khiển xe lưu thông trên đường. Vì vậy, khoảng tháng 12-2020, **H1** đã nảy sinh ý định đặt làm 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả của xe nêu trên để sử dụng nên đã truy cập mạng xã hội Facebook và tìm được một trang mạng chuyên nhận làm giấy tờ giả. **H1** và 01 người (chưa rõ nhân thân, lai lịch) trên mạng xã hội Zalo nhắn tin, thỏa thuận làm cho **H1** 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả của xe nêu trên

với giá 1.500.000 đồng và H1 phải trả trước 100.000 đồng, số tiền 1.400.000 đồng còn lại khi nào nhận được giấy thì thanh toán trực tiếp cho nhân viên giao hàng. H1 gửi thông tin của xe ô tô nêu trên và mã số của 01 thẻ cào điện thoại di động V3 có mệnh giá 100.000 đồng cho người này để đặt cọc. Khoảng 10 ngày sau, có 01 người tự xưng là nhân viên giao hàng (chưa rõ nhân thân, lai lịch) đến nhà của H1 tại số A N, khu phố D, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai giao 01 phong bì được dán kín. H1 mở ra xem thì thấy bên trong là 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả có số 092884 của xe ô tô mang biển số 79A-175.10 mà mình đã đặt trước đó nên đã nhận lấy giấy này và thanh toán đủ số tiền 1.400.000 đồng còn lại cho nhân viên giao hàng.

Đến khoảng tháng 02-2021, do cần tiền phục vụ công việc kinh doanh nên H1 đã liên hệ với người quen biết là anh Nguyễn Khắc T1, sinh năm 1988, ngụ tại ấp B, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai là bạn của H1, cầm cố xe ô tô nêu trên để vay tiền. Do thấy xe có giấy tờ hợp lệ và H1 cam kết không có tranh chấp nên anh T1 đồng ý nhận cầm cố xe ô tô nêu trên để cho H1 vay số tiền 200.000.000 đồng và không lấy lãi. Việc cầm cố xe được thực hiện tại nhà của H1 ở số nhà A N, khu phố D, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai và khi giao xe ô tô nêu trên, H1 cũng bàn giao cho anh T1 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 092884 giả và không nói cho anh T1 biết việc giấy này là giả.

Đến tháng 11-2021, anh T1 liên hệ H1 để yêu cầu H1 trả tiền, nhưng H1 chưa có tiền trả anh T1. Thấy vậy, anh T1 đã thỏa thuận và đề nghị H1 chuyển số tiền đang nợ của anh T1 sang cho anh Đỗ Công T, sinh năm 1995, ngụ tại khu phố C, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai thì H1 đồng ý. Đến khoảng 17 giờ ngày 12/11/2021, anh T1 hẹn H1 và anh T đến quán cà phê K1-C thuộc khu phố F, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai để thỏa thuận. Tại đây, vì là chỗ quen biết nên các bên thống nhất như sau: Anh T đồng ý nhận cầm cố xe ô tô mang biển số 79A-175.10 để cho H1 vay số tiền 200.000.000 đồng cán trừ nợ cho anh T1 và lấy xe bàn giao cho anh T. Sau khi thỏa thuận xong, anh T1 nhận đủ số tiền 200.000.000 đồng từ anh T và cũng bàn giao đầy đủ xe cùng giấy tờ liên quan (trong đó có Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 092884 giả) cho anh T. Sau đó H1 và anh T còn ký kết với nhau Hợp đồng cho vay theo thỏa thuận. Trong suốt quá trình này, H1 không nói cho anh T biết việc Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 092884 là giả và vẫn đồng ý bàn giao giấy này cùng xe cho anh T. Khi về nhà kiểm tra, anh T phát hiện Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 092884 của xe ô tô mang biển số 79A-175.10 là giả và yêu cầu H1 trả lại tiền nhưng H1 chưa có trả nên anh T đã làm đơn tố cáo đến Công an để giải quyết. Tại Cơ quan điều tra, H1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận giám định số 2455/KLGD-PC09 ngày 24/01/2022, Phòng K2 Công an tỉnh Đ, kết luận:

1. Chữ ký mang tên Trung tá: Lê Quang H3 trên các tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký mang tên Lê Quang H3, Trung tá: Lê Quang H3 trên các tài liệu nêu ở mẫu so sánh (ký hiệu M1, M3 và M4) không phải do cùng một người ký ra.

2. Hình dấu tròn Công an tỉnh K trên các tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với hình dấu tròn Công an tỉnh K trên tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu M2 đến M6) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Tại Cáo trạng số 115/CT-VKSLK ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, truy tố bị cáo Vũ Trung H1 về tội: “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố và rút một tình tiết giảm nhẹ tại điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm a khoản 3 Điều 174 của bộ luật hình sự; điểm g khoản 1 điều 52; điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo mức án tù: 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù. Về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Xử phạt bị cáo mức án tù: 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù. về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung từ 11 năm đến 12 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận số tiền 200.000.000đồng và không yêu cầu gì nên không xem xét. Dành quyền khởi kiện cho chị P và Ngân hàng bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

- Ý kiến của bị cáo tại phiên tòa: Bị cáo là người mua xe ô tô của chị P, nhưng do bị cáo và chị Đ1 làm ăn chung, đồng thời chị Đ1 và bị cáo có mối quan hệ tình cảm nên bị cáo mới để chị Đ1 đứng tên trên hợp đồng mua bán xe. Việc kinh doanh gặp khó khăn do tình hình dịch bệnh Covid-19 nên bị cáo không thể thực hiện đóng tiền trả góp xe hàng tháng cho Ngân hàng và không được cấp giấy xác nhận tạm giữ giấy chứng nhận đăng ký xe bản chính. Từ đó, bị cáo nảy sinh ý định làm giả giấy tờ và liên hệ với đối tượng làm giả, cung cấp thông tin của xe ô tô biển số 79A-175.10 để nhờ làm giả 01 giấy phép chứng nhận đăng ký xe giả với giá là 1.500.000 đồng. Sau khi có giấy chứng nhận đăng ký xe, vào tháng 02-2021, bị cáo cầm cố xe ô tô cho anh T1, kèm theo giấy chứng nhận đăng ký giả để vay số tiền 200.000.000 đồng. Đến tháng 11-2021, do anh T1 yêu cầu bị cáo thanh toán tiền nhưng bị cáo chưa thanh toán được, nên anh T1 có đưa ra hướng giải quyết là chuyển số nợ sang cho anh Đỗ Công T. Theo đó, ngày 12-11-2021, bị cáo ký hợp đồng vay với anh T, đồng thời chuyển giao xe ô tô và giấy đăng ký xe giả cho anh T. Sau khi nhận xe ô tô và giấy đăng ký xe giả, do phát hiện giấy đăng ký xe giả nên anh T mới gửi đơn đến Công an.

- Bị cáo nói lời sau cùng như sau: bị cáo ân hận về hành vi của mình, do tình hình dịch bệnh ảnh hưởng đến công việc kinh doanh nên bị cáo nhất thời phạm tội, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người liên quan đến vụ án, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Tại phiên tòa bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, việc vắng mặt họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2]. Về tội danh và khung hình phạt: Trên cơ sở lời khai của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng tháng 12-2020 bị cáo Vũ Trung H1 sử dụng xe ô tô biển số kiểm soát 79A-175.10, nhãn hiệu Chevrolet, màu trắng do chị Nguyễn Thị Thúy P đứng tên trên giấy đăng ký xe, xe này chị P đã bán cho chị Định Thị Đào b của H1; Do xe ô tô đang thế chấp tại Ngân hàng V1 (V4) - Chi nhánh Thành phố H (Theo Hợp đồng thế chấp ô tô ngày 02-02-2008) và do Ngân hàng giữ bản chính để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán. Vì gặp khó khăn do thiếu vốn đầu tư, bị cáo đã có hành vi lên mạng xã hội, tìm kiếm và liên hệ với người làm giả giấy đăng ký xe ô tô nhằm mục đích sử dụng để lái xe ô tô 79A-175.10 lưu thông trên đường tránh xử phạt của công an và sử dụng vào mục đích cầm cố xe ô tô để vay tiền. Đến khoảng tháng 11/2021 bị cáo đã sử dụng giấy tờ giả mua trên mạng xã hội để cầm cố cho anh Nguyễn Khắc T1 vay số tiền 200.000.000đồng. Đến thời hạn thanh toán, bị cáo không có khả năng trả cho anh T1 nên anh T1 đã giới thiệu cho bị cáo để cầm chiếc xe trên cho anh Đào Công Trí chuyển nợ để trả cho anh T1 thì bị cáo đồng ý; bị cáo ký hợp đồng vay tiền của anh Đào Công Trí và anh T đã giao trực tiếp cho anh T1 số tiền 200.000.000đồng để trả nợ cho bị cáo. Các lần thế chấp xe ô tô và giấy tờ giả bị cáo đều không nói cho anh T1, anh T biết đây là giấy tờ giả. Sau khi về nhà thì anh T kiểm tra trên mạng mới phát hiện giấy tờ giả nên đã yêu cầu bị cáo H1 trả lại số tiền trên nhưng đến hạn bị cáo không có tiền trả cho anh T nên anh T đã tố cáo hành vi của H1 đến Công an L. Hành vi của bị cáo Vũ Trung H1 sử dụng giấy tờ giả để lái xe ô tô lưu thông trên đường khi công an kiểm tra và bị cáo sử dụng giấy tờ giả và biết rõ ô tô là của người khác đang thế chấp tại ngân hàng nhưng hai lần nói dối với anh T1, anh T về việc xe ô tô không bị tranh chấp, không thế chấp và có giấy tờ hợp lệ để nhằm cầm cố để lấy tổng số 200.000.000đồng của anh Nguyễn Khắc T1 và sau đó là anh Đào Công Trí. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành các tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ

chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước về con dấu, tài liệu; xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, cần có mức hình phạt đủ nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả hành vi của bị cáo đã thực hiện, nhằm giáo dục bị cáo có ý thức chấp hành pháp luật và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội là cần thiết.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường khắc phục toàn bộ số tiền trên cho người bị hại, bị hại đã có đơn bãi nại đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản; bị cáo là lao động chính, gia đình của bị cáo có công với cách mạng, bị cáo có thời gian thực hiện nghĩa vụ quân sự từ năm 2000 đến năm 2003. Do đó, áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Về tình tiết tăng nặng: bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[6] Các biện pháp tư pháp:

- Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 092884, đứng tên **Nguyễn Thị Thúy P** là tài liệu giả, cần tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

- Số tiền đã chiếm đoạt của bị hại là: 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) của anh **Nguyễn Khắc T1**, sau đó chuyển số tiền nợ sang cho anh **Đỗ Công T** đã được bị cáo trả lại cho người bị hại, các anh **T1**, **T** không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

[7]. Về án phí: bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. Về quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh cho rằng bị cáo **Vũ Trung H1** đã chiếm đoạt số tiền của bị hại là 400.000.000đồng là chưa phù hợp với thực tế số tiền mà bị cáo **H1** chiếm đoạt là 200.000.000đồng. Bị cáo đã hai lần thực hiện hành vi phạm tội, cụ thể lần thứ nhất vào tháng 02/2021 bị cáo đã đưa giấy tờ giả và nói dối với anh **Nguyễn Khắc T1** để anh **T1** cho bị cáo vay số tiền 200.000.000đồng nhưng sau đó không có tiền trả; lần thứ hai vào tháng 11/2021 do không có tiền trả nên anh **T1** là người đề nghị chuyển khoản nợ sang cho anh **T**, khi gặp anh **T** bị cáo không nói rõ cho anh **T** biết tình trạng tài sản, giấy tờ giả mà bị cáo ký hợp đồng vay 200.000.000đồng để chuyển khoản nợ của bị cáo từ anh **T1** qua nợ anh **T**, số tiền 200.000.000đồng này anh **T** chuyển trực tiếp cho anh **T1** chứ không giao cho bị cáo; các lần thực hiện hành vi đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm và đều nhằm chiếm đoạt số tiền

200.000.000đồng. Do đó cần xác định lại bị cáo **H1** đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại với số tiền là 200.000.000đồng.

[9]. Về vấn đề khác: Đối tượng trực tiếp làm giả giấy đăng ký xe ô tô theo yêu cầu của bị cáo hiện chưa rõ nhân thân, lai lịch, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, điều tra, làm rõ xử lý sau.

Đối với anh **Nguyễn Khắc T1** có giới thiệu cho anh Đào Công Trí để bị cáo cầm cố vay 200.000.000đồng trả cho anh **T1**. Bị cáo cho rằng anh **T1** biết giấy tờ giả. Tuy nhiên, anh **T1** không thừa nhận nên không có căn cứ xử lý đối với anh **Nguyễn Khắc T1**.

Đối với **Ngân hàng TMCP V1** là người nhận thế chấp tài sản là chiếc xe ô tô biển kiểm soát số 79A-175.10 của chị **Nguyễn Thị Thúy P** để đảm bảo khoản vay mua xe trả góp. Quá trình điều tra ngân hàng đã thu hồi và phát mãi chiếc xe trên để thu hồi khoản nợ của chị **Nguyễn Thị Thúy P**. Đây là vụ việc dân sự liên quan đến vay tài sản, thế chấp tài sản nên dành quyền khởi kiện cho ngân hàng bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

Đối với chị **Đinh Thị Đ1** là người đã mua chiếc xe trên của chị **P** bằng hợp đồng mua bán tài sản, giữa chị **P** và chị **Đ1** đã giải quyết xong không có tranh chấp gì trong vụ án. Tại **Công an phường X** bị cáo và chị **Đ1** thỏa thuận giao xe cho bị cáo kinh doanh và trả lãi thay chị **Đ1**. Quá trình điều tra chị **Đ1** không có yêu cầu tranh chấp gì đối với chiếc xe này nên không đặt ra xem xét trong vụ án này, dành quyền khởi kiện cho chị **Đ1** bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

Đối với chị **Nguyễn Thị Thúy P** yêu cầu bị cáo trả số tiền hiện nay còn nợ của ngân hàng. Xét thấy đây là quan hệ dân sự giữa chị **P**, chị **Đ1** và Ngân hàng về việc mua bán xe và thế chấp tài sản nên dành quyền khởi kiện cho chị **P** bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[10]. Bị cáo cho rằng xe của bị cáo mua xe ô tô trên của chị **Nguyễn Thị Thúy P** là không có căn cứ: Bởi lẽ, quá trình điều tra, mặc dù bị cáo cho rằng xe ô tô là của bị cáo mua nhưng không xuất trình được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để xác định có quyền sở hữu tài sản đối với xe ô tô biển số 79A-175.10. Trong khi đó, chị **Đinh Thị Đ** và chị **Nguyễn Thị Thúy P** có lời khai xác định: xe ô tô là của chị mua của chị **Nguyễn Thị Thúy P** theo Hợp đồng mua bán xe ngày 05-6-2020 (Bút lục số 122), sau đó khi mua xe chị **Đ** giao xe cho bị cáo thuê để kinh doanh, bị cáo có nghĩa vụ phải đóng tiền trả góp mua xe cho Ngân hàng thay chị **Đ**. Do đó ý kiến của bị cáo là không có cơ sở chấp nhận.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ theo điểm a khoản 3 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015

(Sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điều 260; 293; 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên bố: Bị cáo **Vũ Trung H1** phạm tội: “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

1. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo **Vũ Trung H1** 03 (ba) năm tù, về tội “ Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; Xử phạt bị cáo **Vũ Trung H1** 07(bảy) năm tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt của hai tội danh trên bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là: 10(mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26 tháng 5 năm 2023.

2. Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ **P** được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TA tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đ.Nai;
- VKS TP; VKS tỉnh;
- CA TP. Long Khánh;
- THA TP. Long Khánh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Dương sự;
- Bị cáo;
- Lưu HS.

Nguyễn Văn Hùng